

Số: /2025/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu
và nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp trên địa bàn
thành phố Hải Phòng năm 2026**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số/BC-KTNS ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; Ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết Phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2026.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu (không bao gồm khoản thu tiền sử dụng đất quy định tại Nghị quyết số .../2025/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố) và nhiệm vụ chi giữa ngân sách thành phố và ngân sách cấp xã thành phố Hải Phòng năm 2026.

2. Đối tượng áp dụng:

- Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhiệm vụ thu, chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp

Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương đảm bảo theo các nguyên tắc sau:

1. Ngân sách mỗi cấp chính quyền địa phương được phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể, trong đó: Phân cấp nguồn thu phải dựa trên cơ sở đặc điểm, tính chất từng nguồn thu và khả năng thu của từng địa phương; Phân cấp nhiệm vụ chi phải phù hợp với phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và năng lực quản lý của từng cấp chính quyền địa phương, đi đôi với đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của mỗi cấp ngân sách.

2. Ngân sách thành phố giữ vai trò chủ đạo trong hệ thống ngân sách chính quyền địa phương, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ quan trọng trên địa bàn thành phố; đồng thời đảm bảo việc cân đối cho những địa phương chưa thể tự cân đối được, giúp cho các địa phương chủ động trong cân đối ngân sách cấp mình.

3. Thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách và số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trên cơ sở bảo đảm ổn định, công bằng, phát triển cân đối giữa các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn thành phố để chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao; khuyến khích các cấp tăng cường quản lý thu, chống thất thu; đảm bảo tập trung điều hành ngân sách các cấp trong phạm vi quản lý của các cấp chính quyền địa phương.

4. Kết thúc năm ngân sách, trường hợp ngân sách cấp xã hụt thu so với dự toán do nguyên nhân khách quan, sau khi đã thực hiện điều chỉnh giảm một số khoản chi theo quy định và sử dụng các nguồn lực tài chính hợp pháp khác của ngân sách cùng cấp mà chưa bảo đảm được cân đối ngân sách thì ngân sách cấp trên xem xét hỗ trợ ngân sách cấp dưới theo khả năng của ngân sách cấp trên.

Chương II

PHÂN CẤP NGUỒN THU, TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU VÀ NHIỆM VỤ CHI GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Mục 1

PHÂN CẤP NGUỒN THU, TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 3. Các khoản thu ngân sách thành phố hưởng 100%

1. Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật thuộc Thuế thành phố Hải Phòng quản lý.

2. Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật thuộc Thuế thành phố Hải Phòng quản lý.

3. Thu phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải, khí thải, khai thác khoáng sản) thuộc Thuế thành phố Hải Phòng quản lý.

4. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước thuộc thành phố quản lý thực hiện (không kể phí bảo vệ môi trường), trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.

5. Lệ phí do các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố quản lý thực hiện thu (không kể lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài).

6. Thu từ bán tài sản Nhà nước (tài sản công), kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách thành phố tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc thành phố quản lý.

7. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc thành phố xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

8. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán.

9. Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước.

10. Huy động, đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật cho ngân sách thành phố.

11. Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật do địa phương cấp phép.

12. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách thành phố theo quy định của pháp luật.

13. Tiền thu từ xử phạt các vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác nộp ngân sách theo quy định của pháp luật do cơ quan Nhà nước thuộc thành phố quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu.

14. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách thành phố đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại Công ty Cổ phần, Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp Nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố đại diện chủ sở hữu; thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng phần vốn Nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại các doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân thành phố đại diện chủ sở hữu (nếu có).

15. Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

16. Tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của thành phố.

17. Các khoản thu khác nộp ngân sách thành phố theo quy định của pháp luật.

18. Thu kết dư ngân sách thành phố (phần đưa vào thu ngân sách năm sau).

19. Thu chuyển nguồn ngân sách thành phố từ năm trước chuyển sang.

20. Thu từ Quỹ dự trữ tài chính của địa phương.

21. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương.

Điều 4. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%

1. Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật thuộc Thuế cơ sở trực thuộc Thuế thành phố Hải Phòng quản lý; thu từ cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trên địa bàn cấp xã.

3. Thuế sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn cấp xã.

4. Lệ phí trước bạ nhà đất trên địa bàn cấp xã.

5. Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật thuộc Thuế cơ sở trực thuộc Thuế thành phố Hải Phòng quản lý; thu từ cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.

6. Thu phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải, khí thải, khai thác khoáng sản) thuộc Thuế cơ sở trực thuộc Thuế thành phố Hải Phòng quản lý.

7. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp xã quản lý thực hiện (không kể phí bảo vệ môi trường), trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ.

8. Lệ phí do cấp xã quản lý thực hiện thu (không kể lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài).

9. Thu từ bán tài sản nhà nước (tài sản công) do đơn vị cấp xã quản lý theo phân cấp của thành phố.

10. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.

11. Huy động, đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp xã.

12. Các khoản xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật do cấp xã quyết định xử lý.

13. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp xã xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

14. Các khoản thu khác nộp ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

15. Thu kết dư ngân sách cấp xã (phần đưa vào thu ngân sách năm sau).

16. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.

17. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

Điều 5. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa các cấp ngân sách

1. Thuế giá trị gia tăng, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (không kể thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động xố số kiến thiết, thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí).

2. Thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí).

3. Thuế thu nhập cá nhân.

4. Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước và thuế tiêu thụ đặc biệt từ hoạt động xố số kiến thiết).

5. Thuế bảo vệ môi trường (phần ngân sách địa phương được hưởng, không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu).

6. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do Trung ương cấp phép.

7. Các khoản thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn thành phố (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí).

8. Lệ phí trước bạ (không kể lệ phí trước bạ nhà đất).

(Cụ thể tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này)

Điều 6. Phân cấp, phân chia khoản thu tiền chậm nộp

1. Đối với khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng và được hạch toán riêng từng tiểu mục theo quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước: Thực hiện phân cấp, phân chia theo khoản thu phát sinh tiền chậm nộp được quy định tại Nghị quyết này.

2. Đối với khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng nhưng không được hạch toán riêng theo từng khoản thu: Thực hiện phân cấp và phân chia theo nguyên tắc số thu tiền chậm nộp từ người nộp với cấp nào quản lý thì ngân sách cấp đó hưởng 100% (cấp tỉnh quản lý thu thì ngân sách thành phố hưởng 100%, cấp xã quản lý thu thì ngân sách cấp xã hưởng 100%).

3. Các khoản thu tiền chậm nộp do đơn vị thuộc cấp Trung ương quản lý nộp ngân sách nhưng địa phương được hưởng: Ngân sách thành phố hưởng 100%.

Mục 2

PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác theo các lĩnh vực do thành phố quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của thành phố theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do thành phố quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác do thành phố quản lý hoặc được phân cấp theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố quản lý

trong các lĩnh vực:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề do thành phố quản lý, bao gồm: Giáo dục trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, các trường chuyên biệt và sự nghiệp giáo dục khác; Giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; bồi dưỡng lý luận chính trị; đào tạo nghề và các hình thức đào tạo khác của thành phố.

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do thành phố quản lý.

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội phân giao cho thành phố quản lý, đảm bảo theo quy định.

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình do thành phố quản lý (bao gồm cả các Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế,... theo phân cấp quản lý).

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin do thành phố quản lý.

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình do thành phố quản lý.

g) Sự nghiệp thể dục, thể thao do thành phố quản lý.

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường do thành phố quản lý.

i) Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; giao thông; tài nguyên; quy hoạch; thương mại, du lịch; hoạt động kiến thiết thị chính; các hoạt động kinh tế khác do thành phố quản lý.

k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội do thành phố quản lý.

l) Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở địa phương theo quy định của pháp luật do thành phố quản lý.

m) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật do thành phố quản lý.

n) Các khoản chi thường xuyên khác do thành phố quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền thành phố vay.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của ngân sách thành phố.

5. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

6. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách thành phố.

7. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024).

Điều 8. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển: Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do cấp xã quản lý:

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác theo các lĩnh vực do cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

b) Các khoản chi đầu tư phát triển khác do cấp xã quản lý hoặc được phân cấp theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của cấp xã quản lý trong các lĩnh vực:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, bao gồm: Chi thường xuyên và tăng cường cơ sở vật chất ở các cấp học: trung học cơ sở, tiểu học, mầm non và Trung tâm chính trị; sự nghiệp giáo dục, đào tạo khác trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do cấp xã quản lý.

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội phân giao cho cấp xã quản lý, đảm bảo theo quy định.

d) Chi hoạt động sự nghiệp y tế, dân số và gia đình do cấp xã quản lý (theo phân cấp).

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin do cấp xã quản lý.

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền thanh do cấp xã quản lý.

g) Sự nghiệp thể dục thể thao do cấp xã quản lý.

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường do cấp xã quản lý.

i) Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; giao thông; tài nguyên; quy hoạch (theo quy định của Luật quy hoạch); thương mại, du lịch; hoạt động kiến thiết thị chính; các hoạt động kinh tế khác do cấp xã quản lý.

k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội do cấp xã quản lý.

l) Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật.

m) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý.

n) Các khoản chi phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố.

o) Các khoản chi thường xuyên khác do cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.

4. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024).

Mục 3

THƯỞNG VƯỢT THU

Điều 9. Thưởng vượt thu cho ngân sách cấp xã

Hết năm ngân sách, trường hợp có tăng thu, trên cơ sở báo cáo kết quả thực hiện thu ngân sách năm của các địa phương (có xác nhận của Kho bạc nhà nước), việc thưởng tăng thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách thành phố và ngân sách cấp xã phần ngân sách thành phố được hưởng thực hiện theo nguyên tắc:

1. Mức thưởng cho các địa phương có tăng thu được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số vượt thu nhưng không quá 30% của số tăng thu phần ngân sách thành phố được hưởng và không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước.

2. Căn cứ xét thưởng cho từng địa phương là tổng các khoản thu phân chia trên địa bàn địa phương, không tính riêng từng khoản thu.

3. Việc sử dụng tiền thưởng vượt thu ở cấp nào do Ủy ban nhân dân cấp đó báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức và chỉ đạo các cấp, các ngành, các đơn vị và các địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và được áp dụng cho năm ngân sách 2026.

2. Việc thực hiện quy định tại Nghị quyết này đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền đối với các nội dung liên quan.

3. Các quy định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương thành phố Hải Phòng; sửa đổi, bổ sung quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên và vốn đầu tư công ngân sách địa phương năm 2025 sau khi sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khoá XVI, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác Đại biểu (Quốc hội);
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra VB và Quản lý XLVPHC (Bộ TP);
- TT TU, TT HĐND TP, UBND TP;
- Đoàn Đại biểu QH TP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND TP, UBND TP;
- TT HĐND, UBND cấp xã;
- CVP, các PCVP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Công báo HP, Cổng TTĐT TP (để đăng);
- Báo và Phát thanh, truyền hình Hải Phòng;
- Các CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

PHỤ LỤC: TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2025/NQ-HĐND ngày .../.../2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Stt	Nội dung	Tổng thu NSNN (%)	Tỷ lệ phân chia		
			Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách thành phố (%)	Ngân sách cấp xã (%)
1	Thuế giá trị gia tăng, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (không kể thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)				
1.1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương quản lý; Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100	16	84	
1.2	Thu từ khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật				
a	Thuế thành phố quản lý	100	16	84	
b	Thuế cơ sở trực thuộc quản lý				
	- Các phường: Hồng Bàng, Ngô Quyền, Đông Hải Dự kiến tỷ lệ điều tiết riêng do đã đảm bảo nhu cầu chi, tạm xác định: + Hồng Bàng: NS phường 81%; + Ngô Quyền: ngân sách phường 54%; + Đông Hải: ngân sách phường 35%. Tỷ lệ điều tiết sẽ tiếp tục điều chỉnh cho phù hợp với dự toán năm 2026 (do đang tạm tính theo số liệu dự toán năm 2025).	100	16	x	x
	- Các xã, phường, đặc khu còn lại	100	16		84
1.3	Thu từ cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh:				

	- Các phường: Hồng Bàng, Ngô Quyền, Đông Hải Dự kiến tỷ lệ điều tiết riêng do đã đảm bảo nhu cầu chi, tạm xác định: + Hồng Bàng: NS phường 81%; + Ngô Quyền: ngân sách phường 54%; + Đông Hải: ngân sách phường 35%. Tỷ lệ điều tiết sẽ tiếp tục điều chỉnh cho phù hợp với dự toán năm 2026 (do đang tạm tính theo số liệu dự toán năm 2025).	100	16	x	x
	- Các xã, phường, đặc khu còn lại	100	16		84
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)				
2.1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương quản lý; Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100	16	84	
2.2	Thu từ khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật				
a	Thuế thành phố quản lý	100	16	84	
b	Thuế cơ sở trực thuộc quản lý				
	- Các phường: Hồng Bàng, Ngô Quyền, Đông Hải Dự kiến tỷ lệ điều tiết riêng do đã đảm bảo nhu cầu chi, tạm xác định: + Hồng Bàng: NS phường 81%; + Ngô Quyền: ngân sách phường 54%; + Đông Hải: ngân sách phường 35%. Tỷ lệ điều tiết sẽ tiếp tục điều chỉnh cho phù hợp với dự toán năm 2026 (do đang tạm tính theo số liệu dự toán năm 2025).	100	16	x	x
	- Các xã, phường, đặc khu còn lại	100	16		84
3	Thuế thu nhập cá nhân	100	16	84	
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước và thuế tiêu thụ đặc biệt từ hoạt động xổ số kiến thiết)				
4.1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước Trung ương và địa phương quản lý; Thu từ	100	16	84	

	khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
4.2	Thu từ khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật				
a	Thuế thành phố quản lý	100	16	84	
b	Thuế cơ sở trực thuộc quản lý				
	- Các phường: Hồng Bàng, Ngô Quyền, Đông Hải Dự kiến tỷ lệ điều tiết riêng do đã đảm bảo nhu cầu chi, tạm xác định: + Hồng Bàng: NS phường 81%; + Ngô Quyền: ngân sách phường 54%; + Đông Hải: ngân sách phường 35%. Tỷ lệ điều tiết sẽ tiếp tục điều chỉnh cho phù hợp với dự toán năm 2026 (do đang tạm tính theo số liệu dự toán năm 2025).	100	16	x	x
	- Các xã, phường, đặc khu còn lại	100	16		84
4.3	Thu từ cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh:				
	- Các phường: Hồng Bàng, Ngô Quyền, Đông Hải Dự kiến tỷ lệ điều tiết riêng do đã đảm bảo nhu cầu chi, tạm xác định: + Hồng Bàng: NS phường 81%; + Ngô Quyền: ngân sách phường 54%; + Đông Hải: ngân sách phường 35%. Tỷ lệ điều tiết sẽ tiếp tục điều chỉnh cho phù hợp với dự toán năm 2026 (do đang tạm tính theo số liệu dự toán năm 2025).	100	16	x	x
	- Các xã, phường, đặc khu còn lại	100	16		84
5	Thuế bảo vệ môi trường (phần ngân sách địa phương được hưởng, không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu)	100	16	84	
6	Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật				
6.1	Giấy phép do Trung ương cấp	100	70	30	
6.2	Giấy phép do địa phương cấp	100		100	
7	Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)				
7.1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương quản lý; Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100		100	

7.2	Thu từ khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật				
a	Thuế thành phố quản lý	100		100	
b	Thuế cơ sở trực thuộc quản lý	100			100
7.3	Thu từ cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh	100			100
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100			100
8.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp do cấp xã quản lý hoặc được ủy quyền thu/ đối với đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị (thu từ cá nhân, hộ gia đình)	100			100
8.2	Đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, đất phi nông nghiệp khác (thu từ doanh nghiệp, tổ chức)	100			100
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	100			100
9.1	Thu từ doanh nghiệp, tổ chức	100			100
9.2	Thu từ cá nhân, hộ gia đình	100			100
10	Các khoản thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn thành phố (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)				
10.1	Tiền thuê đất hàng năm (theo sổ bộ) trên địa bàn cấp xã	100	20		80
10.2	Các khoản thu tiền thuê đất, thuê mặt nước còn lại	100	20	80	
11	Lệ phí trước bạ nhà đất	100			100
12	Lệ phí trước bạ (không kể lệ phí trước bạ nhà đất)	100		50	50
13	Lệ phí môn bài				
13.1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước Trung ương và địa phương quản lý; Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100		100	
13.2	Thu từ khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật				
a	Thuế thành phố quản lý	100		100	
b	Thuế cơ sở trực thuộc quản lý	100			100
13.3	Thu từ cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh	100			100
14	Thu phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải, khí thải, khai thác khoáng sản)	100		100	
14.1	Thuế thành phố quản lý	100		100	
14.2	Thuế cơ sở trực thuộc quản lý	100			100

15	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước quản lý thực hiện (không kể phí bảo vệ môi trường)				
15.1	Thuộc thành phố quản lý	100		100	
15.2	Thuộc cấp xã quản lý	100			100
16	Lệ phí do các cơ quan, đơn vị thực hiện thu (không kể lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài)				
16.1	Thuộc thành phố quản lý	100		100	
16.2	Thuộc cấp xã quản lý	100			100
17	Thu bán tài sản nhà nước				
17.1	Thuộc thành phố quản lý	100		100	
17.2	Thuộc cấp xã quản lý theo phân cấp của thành phố	100			100
18	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước				
18.1	Do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc thành phố xử lý	100		100	
18.2	Do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp xã xử lý	100			100
19	Thu từ hoạt động xổ số	100		100	
20	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	100		100	
21	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	100			100
22	Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật				
22.1	Thuộc ngân sách thành phố	100		100	
22.2	Thuộc ngân sách cấp xã	100			100
23	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách thành phố theo quy định của pháp luật	100		100	
24	Tiền thu từ xử phạt các vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác nộp ngân sách theo quy định của pháp luật				
24.1	Thuộc thành phố quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu	100		100	
24.2	Thuộc cấp xã quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu	100			100
25	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách thành phố đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại Công ty Cổ phần, Công ty Trách	100		100	

	nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp Nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố đại diện chủ sở hữu; thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng phần vốn Nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại các doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân thành phố đại diện chủ sở hữu (nếu có)				
26	Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	100		100	
27	Tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của thành phố	100		100	
28	Các khoản thu khác nộp ngân sách theo quy định của pháp luật				
28.1	Thuộc ngân sách thành phố	100		100	
28.2	Thuộc ngân sách cấp xã	100			100
29	Thu kết dư ngân sách (phần đưa vào thu ngân sách năm sau)				
29.1	Thuộc ngân sách thành phố	100		100	
29.2	Thuộc ngân sách cấp xã	100			100
30	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
30.1	Thuộc ngân sách thành phố	100		100	
30.2	Thuộc ngân sách cấp xã	100			100
31	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính của địa phương	100			100